



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

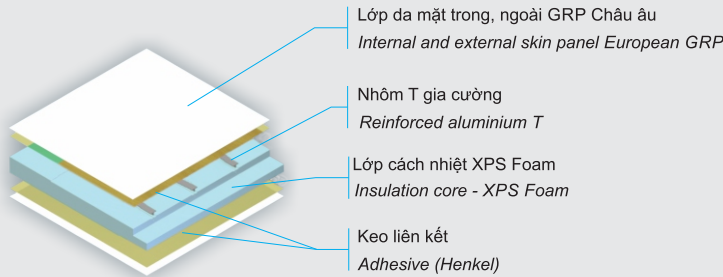
HINO XZU650L 4T99
XZU650L 7T4

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	DVT / UNIT	XZU650L 4T99	XZU650L 4T99	XZU650L 7T4
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		HINO XZU65L-WKMMS3 -QA.DLF1S	HINO XZU65L-WKMMS3 -QA.DLF1S1	HINO XZU65L-WKMRS3 -QA.DLF1S
Công thức bánh xe / Wheel formular		4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	6240 x 1860 x 2900	6240 x 1860 x 2900	6240 x 1970 x 2880
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	4600 x 1860 x 2000	4600 x 1860 x 2000	4600 x 1950 x 1950
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	4420 x 1720 x 1830	4420 x 1720 x 1830	4420 x 1810 x 1770
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	3375	3375	3375
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	1400 / 1435	1400 / 1435	1515 / 1445
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	985 / 1880	985 / 1880	985 / 1880
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	1695	1695	1820
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	3145	3145	3205
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	1650	1650	3900
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	4990	4990	7300
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)		7.00R16	7.00R16	7.00R16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)		7.00R16	7.00R16	7.00R16
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 24V Out put: 24V		Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình
Máy phát Alternator		24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment				
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit		CARRIER CITIMAX 700+ (-20oC, 3420W)	THERMAL-2500 (-18oC, 2335W)	THERMAL-2800 (-18oC, 2515W)
Trang bị khác Other equipment		-	-	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Payload 1.5T ~ 2.5T	Payload 1.5T ~ 2.5T
Panel sàn Floor panel	80/90	95/105
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* Fax: (0272) 3769 023
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

